TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 7 – 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình – Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Q, sinh năm 1970 (có mặt)

HKTT: Khu phố X, phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Trương Chí H, sinh năm 1977 (có mặt)

HKTT: Khu phố X, phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Q trình bày: Bà và ông Trương Chí H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2010. Vợ chồng không có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2021. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà có tính hay ghen bóng ghen gió không cho bà đi làm, bản thân chồng bà cũng

không đi làm, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà nhưng do con còn nhỏ nên bà nhẫn nhịn tiếp tục chung sống với nhau. Năm 2019, bà đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó qua hòa giải, ông H năn nỉ nên bà đồng ý rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi quay về chung sống ông H vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi tính tình. Vợ chồng cũng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng ông H cũng không thay đổi và còn đuổi bà ra khỏi nhà, khóa cửa lại thay ổ khóa không cho bà vào nhà. Từ tháng 01/2023 đến nay, bà đã chuyển ra ngoài sống, vợ chồng không liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống. Ông H thường hay lui tới chỗ bà sống nhưng không phải để gặp gỡ hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chửi bới, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Bà đã báo Công an xã H nhờ can thiệp nhưng Công an chỉ khuyên bà nên hòa giải; sự việc ông H gây ồn ào và quấy rầy cuộc sống của bà thì chính quyền địa phương cũng biết. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Chí H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thiên H1 – sinh ngày 22/6/2011. Cháu H1 hiện đang sống cùng với ông H. Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2023, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2023, bà đồng ý giao con cho ông H nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Chí H trình bày: Ông và bà Trịnh Thị Q chung sống với nhau đầu năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S vào năm 2021. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông và bà Q chung sống với nhau tại Thôn T, xã H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc. Cách đây 04 năm ông phát hiện vợ ông làm nghề gái gọi, ông đã bắt gặp tại quán có cả con trai nhìn thấy. Ông đã nhiều lần khuyên nhủ vợ bỏ nghề để làm lại từ đầu nhưng vợ ông vẫn chứng nào tật nấy. Đầu năm 2023, vợ ông chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sống vì vậy vợ chồng không còn sống chung với nhau. Ông cùng với con qua nhà trọ để khuyên vợ quay về nhưng vợ ông không đồng ý. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà Q nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trịnh Thị Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thiên H1 – sinh ngày 22/6/2011. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con. Trước đây, ông là nghề mộc thu nhập trung bình hàng tháng 5.000.000 đồng, tuy nhiên hiện ông đang bị bệnh, không đủ sức lao động để nuôi con. Do đó, ông yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Q. Bà Trịnh Thị Q được ly hôn với ông Trương Chí H; Giao con chung Trương Thiên H1 – sinh ngày 22/6/2011 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trịnh Thị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trương Chí H có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Q và ông Trương Chí H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 26/10/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà Q trình bày lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H có tính hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng ông H không thay đổi và còn đuổi bà ra khỏi nhà, khóa cửa lại thay ổ khóa không cho bà vào nhà. Từ tháng 01/2023 đến nay, bà đã chuyển ra ngoài sống, vợ chồng không liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông phát hiện bà Q làm nghề gái gọi, ông đã nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng làm lại từ đầu nhưng bà Q không thay đổi. Vợ chồng đã không sống cùng nhau từ đầu năm 2023 đến nay, ông và con cũng đến nhà trọ nơi bà Q sinh sống để khuyên bà quay về nhưng bà Q không đồng ý. Ông xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên gặp gỡ, trao đổi, khắc phục mâu thuẫn để quay về đoàn tụ, tuy nhiên bà Q vẫn cương quyết ly hôn. Bị đơn ông H xác định vẫn còn tình cảm với bà Q nên không đồng ý ly hôn, nhưng ông không đưa ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ

chồng và thực tế hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 01/2023 đến nay. Mặc dù trong thời gian không sống với nhau ông H có chủ động đến nhà trọ nơi bà Q sinh sống nhưng không nhằm mục đích cải thiện tình cảm vợ chồng mà chưởi bới, xúc phạm và quấy rối cuộc sống của bà. Tình trạng mâu thuẫn của bà Q và ông H phù hợp với Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của chính quyền địa phương do nguyên đơn cung cấp và phù hợp với lời trình bày của cháu Trương Thiên H1 (con chung của bà Q ông H) cho biết: "*.....Trong cuộc sống con thấy ba mẹ thường hay cải nhau*". Ngoài ra, bà Q còn cung cấp cho Tòa án 01 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2019; điều này thể hiện bà Q đã nộp đơn ly hôn và đã rút đơn để ông H có cơ hội thay đổi và cải thiện tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi về sống chung bà Q và ông H vẫn không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, do đó bà tiếp tục nộp đơn đến Tòa án chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà Q và ông H đã không còn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Q vẫn kiên quyết xin ly hôn và có ý kiến cho rằng nếu Tòa án có bác đơn ly hôn thì bà cũng không quay về chung sống với ông H. Điều này, chứng tỏ bà Q đã không còn tình cảm vợ chồng với ông H; khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không có.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*"; *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*".

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được; Do đó, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Q và ông H xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thiên H1 – sinh ngày 22/6/2011. Cháu H1 hiện đang sống cùng với ông H. Bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét thấy: Cháu H1 từ trước đến nay đều sống chung với bà Q và ông H, sau khi bà Q chuyển ra ngoài sống thì cháu H1 tiếp tục sống với ông H. Hơn nữa, cháu H1 có nguyện vọng được sống cùng ba.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H có ý kiến cho rằng Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2023 và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/6/2023, nguyên đơn bà Q yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng; tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2023 và tại phiên tòa bà Q đồng ý giao con chung

cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận về việc bà Q đồng ý giao con chung Trương Thiên H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

Trường hợp bà Q có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trịnh Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Q.

1. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Q được ly hôn với ông Trương Chí H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trịnh Thị Q và ông Trương Chí H về việc bà Trịnh Thị Q đồng ý giao con Trương Thiên H1 – sinh ngày 22/6/2011 cho ông Trương Chí H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trịnh Thị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000^{đ} (*Ba triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị Q và ông Trương Chí H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004962 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trịnh Thị Q còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2023)./.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07, 07a, 07b và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường S
(*Giấy CNKH số 37, ngày 26/10/2021*);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Nguyễn Thanh Thảo